

Số: 26/2023/QĐST-DS

G, ngày 14 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 371/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Duy Hải Đ**, sinh năm: 1970.

Bà **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Đình S**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: 448, khu phố 1, phường H, thành phố B, tỉnh B

Bà **Đào Xuân M**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 05/10/2022 giữa bà Phạm Thị Thanh T và ông Nguyễn Duy Hải Đ, bà Nguyễn Ngọc P đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 12, diện tích 202m² tại xã M, huyện G, tỉnh B.

2.2. Ông Nguyễn Duy Hải Đ, bà Nguyễn Ngọc P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền là 1.125.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ, bà P chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như quyết định đã tuyên, thì hàng tháng ông Đ, bà P còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với khoản

nợ gốc theo mức số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.3. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 17/2022/QĐ-BPKCTT ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G về việc “Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp” theo quy định tại khoản 7 Điều 114, Điều 121 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Phạm Thị Thanh T được nhận lại tài sản bảo đảm là số tiền 625.000.000đ (*Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng*), trong tài khoản số **7107601985430** tại ả ngân hàng ả ông nghiệp và Phát triển ả ông thôn Việt ả am - Chi nhánh huyện G (đã thực hiện biện pháp bảo đảm theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 17/2022/QĐ-BPBD ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B).

2.4. Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông ả guyễn Đình S, bà Đào Xuân M và ông ả guyễn Duy Hải Đ, bà ả guyễn ả gọc P đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 12, diện tích 202m² tại xã M, huyện G, tỉnh B.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan ả hà nước có thẩm quyền tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 12, diện tích 202m² tại xã M, huyện G, tỉnh B (Do bà ả guyễn ả gọc P đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03580 ngày 09/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp) đúng theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50% là 22.785.000 đ (*Hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), được tính cụ thể như sau:

- Ông ả guyễn Duy Hải Đ, bà ả guyễn ả gọc P có trách nhiệm liên đới chịu án phí có giá ngạch là 11.437.500 đ (*Mười một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) và 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí không có giá ngạch và còn phải nộp đủ số tiền này.

- Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí có giá ngạch là 11.437.500 đ (*Mười một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) nhưng bà T thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của ả ghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông ả guyễn Đình S, bà Đào Xuân M tự nguyện nộp thay cho ông Đ, bà P 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí không có giá ngạch đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do ông S, bà M đã nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí nên được khấu trừ theo biên lai số 0000018 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án huyện G. Ông S, bà M đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS&D huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng GDKT TA&D tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thế Trang Đền